

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2026/DS-ST
Ngày 13 - 7 -2026
V/v T/c hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Mười
2. Bà Huỳnh Khiết Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Huỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 13/7/2026, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2026/TLST-DS ngày 25/5/2026 về “Tranh chấp đòi lại tài sản và vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2026/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 275/2026/QĐST-DS ngày 03/7/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Hiếu T, sinh năm 1974, CCCD: 086174004279 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/8/2021 Địa chỉ: Quang Huy, xã H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn:

1. Ông Phan Văn Đ, sinh ngày 23/07/1979. Địa chỉ: Đ, xã A, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bà Đinh Thị Thu O. Địa chỉ: Đ, xã A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

đơn khởi kiện ngày 19/5/2026 và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Hiếu T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì: Do bà có nhu cầu thu mua lúa nên vào tháng 11/2025 bà và ông Phan V Điều có hợp đồng thỏa thuận mua lúa với tổng số lượng là 1.450 công với giá mua lúa từ 5.100 đồng đến 5.900 đồng. Bà đã chuyển tiền nhiều lần theo yêu cầu của ông Đ1 để đặt cọc mua lúa với tổng số tiền là 584.000.000 đồng, chuyển vào số tài khoản do ông Phan Văn Đ1 đứng tên chủ tài khoản là 7602205192540 tại Ngân hàng N. Ngoài ra ông Đ còn mượn thêm của bà số tiền 130.000.000 đồng và bà cũng đã chuyển khoản vào tài khoản này cho ông Đ.

Ông Đ có hẹn đến ngày 19/12/2025 thì cắt giao lúa hợp đồng trong vòng 1 tháng thì giao xong.

Tuy nhiên, từ ngày 19/12/2025 đến ngày 07/01/2026, ông Đ chỉ giao cho bà được 440 công lúa, tương đương với số tiền cọc 176.000.000 đồng, còn 408.000.000 đồng và 130.000.000 đồng tiền mượn, tổng cộng là 538.000.000 đồng. Sau khi giao được 440 công thì ông Đ không giao thêm lúa cho bà nữa và bà có liên lạc nhiều lần nhưng không liên lạc được với ông Đ. Đến ngày 20/01/2026 ông Phan Văn Đ cùng vợ là bà Đinh Thị Thu O cùng lập giấy tay “Giấy nhận nợ” do chính tay ông Đ viết và ông Đ cùng vợ là bà Đinh Thị Thu O ký tên vào giấy nhận nợ này. Ngoài ra trong giấy nhận nợ này còn có sự xác nhận của Ban nhân dân ấp việc ông Đ, bà O còn thiếu tôi số tiền 538.000.000 đồng và hứa bán đất để trả nợ cho bà T.

Đến ngày 21/01/2026 ông Phan Văn Đ có ghi thêm 1 giấy tay “Giấy hẹn trả nợ” và hứa tới ngày 21/03/2026 ông Đ sẽ trả lại cho bà số tiền 538.000.000 đồng nếu không thực hiện đúng lời hứa thì ông Đ sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nhưng kể từ ngày lập giấy hẹn trả nợ đến nay ông Phan Văn Đ và bà Đinh Thị Thu O vẫn chưa trả cho bà khoản tiền nào.

Nay bà Lê Hiếu T yêu cầu ông Phan Văn Đ và bà Đinh Thị Thu O phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền còn nợ là 538.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bà T xác định việc đặt cọc giữa bà và ông Đ đã chấm dứt, hai bên đã chốt lại số tiền mà ông Đ phải trả cho bà nhưng do ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả số tiền này nên bà khởi kiện yêu cầu ông Đ và vợ là bà O trả cho bà số tiền còn nợ là 538.000.000 đồng.

đơn ông Phan Văn Đ trình bày: Ông thừa nhận có nợ của bà Lê Hiếu T tổng số tiền 538.000.000 đồng, trong đó có 408.000.000 đồng là tiền cọc mua lúa và 130.000.000 đồng tiền mượn. Do hiện nay ông đang khó khăn về kinh tế và chưa hoàn thành thủ tục về quyền sử dụng đất của ông để vay vốn trả nợ cho bà T. Do đó, ông đề nghị được trả dần cho bà T số tiền tổng cộng là 538.000.000 đồng vào các ngày 15/10/2026, 15/02/2027 và 15/6/2027 mỗi đợt trả 50.000.000 đồng, tổng 3 đợt là 150.000.000 đồng, còn lại số tiền 38.000.000 đồng thì ông trả vào ngày 15/10/2027 là hết nợ.

đơn bà Đinh Thị Thu O đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng và không có ý kiến, yêu cầu gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, tại phiên tòa, bị đơn bà Đinh Thị Thu O đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn Đinh Thị Thu O.

[2] Về nội dung vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Phan Văn Đ và bà Đinh Thị Thu O trả số tiền 538.000.000 đồng (trong đó có 130.000.000 đồng tiền mượn và 408.000.000 đồng tiền cọc mua lúa). Do bà T và ông Đ đều xác nhận hợp đồng đặt cọc giữa hai bên đã chấm dứt và đã xác định số tiền mà ông Đ còn nợ nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay và đòi lại tài sản”

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Phan Văn Đ thừa nhận ông có nợ của bà Lê Hiếu T số tiền 538.000.000 đồng, trong đó có 408.000.000 đồng là tiền cọc mua lúa và 130.000.000 đồng tiền mượn, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên hòa giải ông Đ đề nghị được trả dần số tiền này, bà T cũng đồng ý nhưng bà O không tham gia hòa giải vì vậy hòa giải không thành. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông Đ và bà O phải trả cho bà số tiền này trong một lần, không đồng ý việc trả dần như ông Đ đã đề nghị.

[4] Về nghĩa vụ của bà Đinh Thị Thu O đối với khoản tiền mà bà Lê Hiếu T yêu cầu, xét thấy, mặc dù bà Đinh Thị Thu O không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng khoản nợ mà ông Đ thừa nhận là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà O và ông Đ. Đồng thời, tại “Giấy nhận nợ” bà O cũng đã ký tên vào văn bản này và việc ông Đ làm nghề mua lúa bà O cũng biết rõ, vấn đề này do ông Đ xác nhận do đó có căn cứ để xác định khoản nợ mà bà T yêu cầu thì bà O cũng biết rõ. Do đó, bà O phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Đ trả cho bà T số tiền tổng cộng là 538.000.000 đồng theo quy định tại Điều 27,37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Từ phân tích trên, xét thấy việc bà T khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà O cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền tổng cộng là 538.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ giao dịch vay tiền giữa các bên là tự nguyện và hợp pháp, khi thực hiện giao dịch thì các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự, ông Đ, bà O vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên bà T yêu cầu ông, bà cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ. Còn việc đặt cọc mua lúa đã được hai bên xác nhận nhưng ông Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, sau đó hai bên đã chấm dứt hợp đồng đặt cọc và xác nhận số tiền còn nợ do đó bà T yêu cầu ông Đ, bà T trả lại số tiền đặt cọc còn nợ là có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn Phan Văn Đ, Đinh Thị Thu O phải liên đới chịu số tiền án phí là 20.000.000 đồng + $138.000.000 \times 4\% = 25.520.000$ đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025);

- Căn cứ Điều 117, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hiếu T. Buộc bị đơn ông Phan Văn Đ và bà Đinh Thị Thu O có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Hiếu T số tiền còn nợ là 538.000.000 đồng (trong đó có 130.000.000 đồng tiền mượn và 408.000.000 đồng tiền cọc mua lúa).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Hiếu T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Phan Văn Đ và bà Đinh Thị Thu O còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Lê Hiếu T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn Đ, Đinh Thị Thu O phải liên đới chịu số tiền án phí là 25.520.000 đồng.

Bà Lê Hiếu T không phải chịu án phí. Trả lại cho bà Lê Hiếu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.760.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010350 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND KV10-Cần Thơ;
- THADS TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Tư

